TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026
"Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn và bà Vũ Thị Linh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 310/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1998; số căn cước công dân: 030198001197; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt (có đề nghị xin xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản cho nguyên đơn: Bà Luân Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 117/2 T, phường H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1996; số căn cước công dân: 030096003174; địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (không có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1972; số căn cước công dân: 024072018533 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; số căn cước công dân: 030173010545; đều có địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau ngày 20/3/2018, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn

M, xã B, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là: tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cãi vã. Tháng 7/2020 vợ chồng chị đều đi lao động ở Đài Loan. Khoảng ba năm sau thì vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau và ly thân, không liên lạc với nhau. Mặc dù gia đình đã động viên hòa giải nhưng vợ chồng chị vẫn không hàn gắn được tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là: Phạm Thị Trà H, sinh ngày 05/9/2018, hiện đang sống cùng bố mẹ của anh Đ là ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, đề nghị Tòa án tạm giao cháu H cho ông Đ và bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- *Theo công văn số 3885/PA08 - Đ1 ngày 19/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện*: Chị Lê Thị H xuất cảnh ngày 06/11/2025 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; anh Phạm Văn Đ xuất cảnh ngày 05/10/2023 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

- *Theo xác minh tại công an phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng:* Anh Phạm Văn Đ, sinh ngày 15/12/1996; số căn cước công dân: 030096003174; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng.

- *Theo xác minh tại tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng*: Anh Phạm Văn Đ và chị Lê Thị H hiện đang lao động tại Đài Loan. Địa phương không nắm được việc mâu thuẫn của anh chị. Anh chị có 01 con chung hiện đang sống cùng với bố mẹ của anh Đ là ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L trình bày*: Sau khi kết hôn, anh Đ và chị H về chung sống với nhau và sống cùng ông bà tại địa phương được một thời gian thì anh chị đều đi nước ngoài, còn con chung của anh chị sống cùng ông bà. Thời gian gần đây chị H có gọi điện về nói chuyện với ông bà về việc anh chị mâu thuẫn bất đồng, chị Huyền đang xin ly hôn anh Đ tại Tòa án. Ông bà đã động viên khuyên bảo nhưng chị H không nghe. Anh Đ cũng đã biết thông tin chị H đang xin ly hôn anh Đ tại Tòa án. Anh Đ có nói ý kiến với ông bà là: Nếu ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý giao cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh không ở Việt Nam, nhất trí về việc chị H cấp dưỡng nuôi con. Về con

chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là: Phạm Thị Trà H, sinh ngày 05/9/2018, hiện đang sống cùng ông bà. Trường hợp anh chị ly hôn thì ông bà đồng ý với đề nghị của chị H về việc giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý với việc chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu H cho ông bà trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam. Về quan hệ tài sản: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với bố và ông bà nội.

- *Tại phiên tòa:*

Chị Lê Thị H, ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L vắng mặt và có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị H, cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về quan hệ con chung: Giao con chung là: Phạm Thị Trà H, sinh ngày 05/9/2018 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao cháu H cho ông Đ1 và bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn là anh Phạm Văn Đ có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố M, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng trước khi xuất cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn

áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là chị Lê Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Văn Đ 02 lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị H, anh Đ, ông Đ1, bà L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn với nhau ngày 20/3/2018 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng), nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và hiện đang ly thân, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đ, còn anh Đ không có mặt ở địa phương, không có quan điểm gửi cho Tòa án. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là: Phạm Thị Trà H1, sinh ngày 05/9/2018, hiện đang sống cùng bố mẹ của anh Đ là ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L. Chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh Đ không có mặt ở Việt Nam thì đề nghị tạm giao con chung cho bố mẹ của anh Đ là ông Đ1 và bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông Đ1 và bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với bố và ông bà nội. Do vậy, cần giao cháu H1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao cháu H1 cho ông Đ1 và bà L trực tiếp nuôi dưỡng để phù hợp với nguyện vọng của các đương sự trong vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H1. Việc chị H xin cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đương mỗi tháng 5.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và sự nhất trí của người trực tiếp đang nuôi dưỡng cháu Hương nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị H.

Về quan hệ tài sản: Chị H, ông Đ1, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết, anh Đương không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải - đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị H, cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Phạm Thị Trà H1, sinh ngày 05/9/2018 cho anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao H1 cho ông Phạm Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Phạm Văn Đ mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày anh Phạm Văn Đ yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị H không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Lê Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số: 0005466 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Phòng GĐKT, TT & THA Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng (ghi sổ hộ tịch số: 14 ngày 20/3/2018 của UBND xã Bắc An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu